

Số :2604/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* **4/26/2017**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	720	1.08%
2	BMP	100	1.72%
3	BVH	290	1.52%
4	CII	760	2.54%
5	CTD	130	2.43%
6	CTG	1,560	2.45%
7	DHG	130	1.60%
8	DPM	660	1.39%
9	FPT	1,540	6.45%
10	GAS	400	1.97%
11	GMD	640	1.90%
12	HAG	1,820	1.42%
13	HNG	970	1.02%
14	HPG	3,180	8.69%
15	HSG	450	1.95%
16	ITA	1,950	0.57%
17	KBC	1,480	2.02%
18	KDC	520	1.87%
19	MBB	3,950	5.40%
20	MSN	1,910	7.97%
21	MWG	350	5.25%
22	NT2	360	1.00%
23	PVD	800	1.36%
24	REE	780	1.86%
25	SBT	580	1.29%
26	SSI	1,340	2.72%
27	STB	5,380	5.48%
28	VCB	1,510	4.86%
29	VIC	2,640	9.77%

30	VNM	780	10.26%
----	-----	-----	--------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,088,330,100

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,090,516,976

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 2,186,876

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	63,030	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 4/26/2017	Kỳ này/This period 4/25/2017	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	10	9	1
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	40,700,000	39,700,000	1,000,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	10,990	10,920	70
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	423,120,586,728	422,219,355,267	901,231,461
của một lô ETF/per Creation Unit	1,090,516,976	1,088,194,215	2,322,761
của một chứng chỉ quỹ/per Share	10,905.16	10,881.94	23.22
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	711.22	705.99	5.23

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO